

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Số: 2639/GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 11 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc ủy quyền thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Việt Khánh tại văn bản số 15/CV-VK ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Bệnh viện 22-12” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 525/TTr-STNMT-CCBVMT ngày 30 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Việt Khánh, địa chỉ tại số 43 Lam Sơn, phường Phước Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Bệnh viện 22-12” tại số 34/4 Nguyễn Thiện Thuật, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

- 1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện 22-12.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Số 34/4 Nguyễn Thiện Thuật, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- 1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Giấy chứng nhận

đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 4200561017, đăng ký lần đầu ngày 07/5/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 27/10/2015.

1.4. Mã số thuế: 4200561017.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Phạm vi thực hiện: diện tích 9.350 m².

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí tương đương với dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 240 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Việt Khánh được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Việt Khánh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Chậm nhất 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường, Chủ cơ sở có trách nhiệm công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ cơ

sở hoặc tại trụ sở UBND phường Tân Lập.

2.5. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Nha Trang, UBND phường Tân Lập nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận: (VBĐT)

- Công ty Cổ phần Việt Khánh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Nha Trang;
- UBND phường Tân Lập;
- Công Thông tin điện tử của UBND tỉnh;
- Lưu: VP + TL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hòa Nam

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2639/GPMT-UBND ngày 03. tháng 11. năm 2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải tắm giặt, rửa sàn.
- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động vệ sinh của cán bộ, công nhân viên, bệnh nhân và người thăm nuôi bệnh.
- Nguồn số 03: Nước thải chuyên môn (từ khám và điều trị bệnh như khoa mổ, khoa sản,...).
- Nguồn số 04: Nước thải từ phòng thí nghiệm, xét nghiệm.
- Nguồn số 05: Nước thải từ nhà ăn, căn tin.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung thành phố Nha Trang trên đường Nguyễn Thiện Thuật.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại tổ dân phố 7, phường Tân Lập, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°): $X(m) = 1353433$; $Y(m) = 602502$.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $240 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, K=1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế và Quyết định 824/QĐ-UBND ngày 07/4/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành tiêu chuẩn chất lượng nước thải xả vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố Nha Trang, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5-8,5	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ *	mg/L	150		

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
3	COD*	mg/L	270	quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
4	TSS*	mg/L	160		
5	Sunfua	mg/L	4,0		
6	Amoni*	mg/L	23		
7	Nitrat	mg/L	50		
8	Phosphat	mg/L	10		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	20		
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio Cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		
14	N tổng*	mg/L	30		
15	P tổng*	mg/L	7		

(Ghi chú: (*) các thông số được áp giá trị giới hạn theo Quyết định 824/QĐ-UBND ngày 07/4/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01 được thu gom bằng ống uPVC DN114 và DN168 dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 240 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 02, 03 sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được thu gom bằng ống uPVC DN114 và DN168 dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 240 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 04 sau khi qua bể chứa để lắng sơ bộ được thu gom bằng ống uPVC DN114 và DN168 dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 240 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nguồn số 05 sau khi qua bể tách dầu mỡ được thu gom bằng ống UPVC DN114 và DN168 dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 240 m³/ngày đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể gom → Bể điều hòa → Bể sinh

học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể sinh học MBR → Bể chứa nước sau xử lý → Hồ ga lấy mẫu → Hệ thống thoát nước chung thành phố Nha Trang.

- Công suất thiết kế: 240 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOCl 10%, hóa chất rửa màng (hỗn hợp dung dịch NaOCl và NaOH) và hóa chất dinh dưỡng (Methanol và men vi sinh).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Hướng dẫn, đào tạo nhân viên có kinh nghiệm vận hành hệ thống xử lý nước thải và có khả năng khắc phục các sự cố khi xảy ra;

- Vận hành đúng quy trình và định kỳ bảo dưỡng và dự trữ sẵn sàng một số thiết bị thay thế cho hệ thống xử lý;

- Trong trường hợp bơm ở một công đoạn xử lý nào bị hỏng, sử dụng các bơm dự phòng khác để hệ thống xử lý nước thải vận hành liên tục trong khi sửa chữa hoặc thay thế bơm bị hỏng;

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất cho vận hành máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa hệ thống vào vận hành trở lại;

- Trường hợp, phát hiện chất lượng nước thải không đạt chuẩn khi thải ra môi trường, Chủ cơ sở lưu giữ nước thải tạm thời tại bể thu gom, bể điều hòa, bể chứa nước thải sau xử lý (với tổng dung tích 113,5 m³) và các công trình khác nằm trong hệ thống để thực hiện khắc phục, đảm bảo xử lý nước thải đạt giá trị quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung của thành phố Nha Trang.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (kể từ sau khi được cấp giấy phép môi trường).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 240 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải trước xử lý tại bể điều hòa và nước thải sau xử lý tại bể chứa nước sau xử lý.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Chủ cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít

nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số. 2639/GPMT-UBND ngày 03 tháng 11...
năm 2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1.	Chất thải y tế lây nhiễm	13 01 01	10.800
2.	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	4
3.	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	13 01 03	10
4.	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	5
5.	Pin thải bỏ	16 01 12	1
6.	Chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	18 01 04	10
Tổng cộng			10.830

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải y tế thông thường	Khối lượng (kg/năm)
1	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất;	120
2	Vỏ lọ vắc xin thải bỏ không thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực	120
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	240
4	Bùn từ bể tự hoại	1.800
Tổng cộng		2.280

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 45 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng bằng nhựa, có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Kho lưu giữ chất thải y tế nguy hại lây nhiễm: diện tích 9,02 m².

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại không lây nhiễm: diện tích 4,46 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Tường gạch bao quanh, nền tráng xi măng đảm bảo không bị thấm thấu, có mái lợp tôn chống nóng, có biển ghi chú và cảnh báo. Có trang bị các thiết bị, dụng cụ và vật liệu phòng cháy, chữa cháy.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa, có nắp đậy.

2.2.2. Nhà lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích: 8,84 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao quanh, có cửa ra vào, có mái che nắng che mưa, nền tráng xi măng, có cao độ nền đảm bảo không bị ngập lụt, tránh nước mưa từ bên ngoài tràn vào.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa có nắp đậy.

- Kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

+ Diện tích: 12,18 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: Có tường bao quanh, có cửa ra vào, có mái che nắng che mưa bằng tôn, nền tráng xi măng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 3**YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2639/GPMT-UBND ngày 03.. tháng 11...
năm 2023 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

A. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.
2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường theo quy định của pháp luật.
3. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. 